

Bản án số: 06/2020/HNGĐ – ST
Ngày 29/9/2020
V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thị Dung.

- Bà Đinh Thị Lưu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST – DS, ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị M, sinh năm 1996.

- Bị đơn: anh Cầm Văn H, sinh năm 1995.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản B, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Chị Đinh Thị M có mặt tại phiên tòa, anh Cầm Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị M trình bày:

Chị M và anh Cầm Văn H kết hôn với nhau vào ngày 14/12/2015 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do Anh Cầm Văn H nghiện ma túy, không quan tâm tới gia đình, vợ con. Do nghiện ma túy nên anh H đã được Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 (Hai mươi tư) tháng, theo quyết định số 14/QĐ – TA, ngày 27/10/2017, sau khi hết thời hạn cai nghiện nhưng anh H vẫn không sửa chữa được, tôi và mẹ chồng cùng gia đình hai bên đã giúp đỡ anh H cai nghiện nhiều lần nhưng không được.

Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên nội ngoại, bàn bè, chính quyền bản khuyên giải nhưng không thành. Từ khoảng tháng 8 năm 2017 đến nay thì anh chị sống ly thân nhau, chị M bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đến nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Cầm Văn H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Cầm C, sinh ngày 18/10/2015 chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh Cầm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, đơn đề nghị bị đơn anh Cầm Văn H trình bày:

Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì anh nhất trí như chị M đã trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng

phát sinh do anh H nghiện ma túy, đã đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm thời hạn là 24 tháng nhưng sau khi chấp hành xong anh H vẫn không cai nghiện được, đó chính là nguyên nhân mâu thuẫn lớn nhất của vợ chồng.

Anh H thấy mâu thuẫn này không quá nghiêm trọng, bản thân anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Cẩm C, sinh ngày 18/10/2015 và nếu ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Cẩm C đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh H không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai chị M, anh H; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân chị M, anh H (bản sao); Giấy khai sinh cháu Cẩm C (bản sao);

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 07/8/2020 tại Chi hội phụ nữ bản Bùn Thượng và Trưởng bản Bùn Thượng, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt, anh H xin được vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần

trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 59; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị M, đề nghị xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn anh Cầm Văn H. Giao cháu Cầm C cho chị Đinh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện giải quyết tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết của hai anh chị. Về nợ chung và tài sản riêng: Không có.

Về án phí: chị Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị M và anh Cầm Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, tài sản tại bản B, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cầm Văn H có ý kiến không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị M và anh Cầm Văn H kết hôn tổ chức đám cưới từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ

chồng phát sinh do anh H nghiện ma túy, không quan tâm tới gia đình, vợ con, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân.

Xét thấy: Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh H không có mặt để giải quyết, chị M kiên quyết xin ly hôn, anh H mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2017 đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, anh H không có hướng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Cầm C, sinh ngày 18/10/2015. Chị M và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Chị M là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và con cái, chị M có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu là đi làm thuê, chăn nuôi, trồng trọt. Còn anh H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào gia đình, không có khả năng nuôi con. Trên thực tế kể từ khi sinh con cho đến nay, chị M là người thường xuyên, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, việc giao cháu C cho chị M nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu nên cần giao cháu Cầm C cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chấp nhận đề nghị của chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị trình bày ý kiến tự thỏa thuận, giải quyết về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Cả hai anh chị đều có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn anh Cẩm Văn H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Cẩm C, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Đinh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Anh Cẩm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 080, số 0003993, ngày 27/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị Đinh Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn chị Đinh Thị M, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 29/9/2020.

Bị đơn anh Chăm Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã P, huyện Phù Yên;
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh